

# THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT

LÃ THỊ TUYẾN\*

Ngày nhận bài: 25/07/2017; ngày sửa chữa: 15/08/2017; ngày duyệt đăng: 21/08/2017.

**Abstract:** Teaching competence has been studied by many psychologists and educators in the world and in our country, but teaching competence of art has been not much concerned. In the article, author analyzes the situation of training art pedagogical competence for students at universities of art education. This analysis is the basis to propose solutions in order to improve quality of human resources in art education to meet requirements of society and development of the education.

**Keywords:** Teaching competency, competence development, pedagogic art.

## 1. Đặt vấn đề

Năng lực dạy học (NLDH) là một yếu tố đặc biệt quan trọng đối với giáo viên dạy nghệ thuật ở trường phổ thông. Việc tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển NLDH tại các trường đào tạo sư phạm nghệ thuật những năm qua đã đạt được thành tựu đáng kể trong việc cấp nguồn lực giáo viên nghệ thuật. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo nói chung, việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nói riêng ở các trường này vẫn còn tồn tại hạn chế. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng làm cơ sở để ra các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nghệ thuật nói chung và rèn luyện phát triển NLDH nói riêng cho sinh viên (SV) đang đặt ra cấp thiết đối với các trường đào tạo sư phạm nghệ thuật.

## 2. Thực trạng phát triển NLDH của SV các trường đại học sư phạm (ĐHSP) nghệ thuật

Để có thông tin làm cơ sở cho việc phân tích thực trạng rèn luyện NLDH cho SV các trường ĐHSP nghệ thuật, tác giả đã khảo sát bằng phiếu hỏi với 399 người, gồm: SV, giảng viên (GV) chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật (Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Trường Đại học Văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa) và giáo viên phổ thông (GVPT) dạy môn Âm nhạc, môn Mĩ thuật tại các trường tiểu học, trung học cơ sở (trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa); phỏng vấn trực tiếp 6 nhà khoa học, 12 GV, 8 cán bộ quản lý tại 3 trường đào tạo sư phạm nghệ thuật trên; 50 giáo viên cơ sở về rèn luyện kĩ năng dạy học cho SV sư phạm nghệ thuật hiện nay. Kết quả nghiên cứu như sau:

### 2.1. Thực trạng nhận thức về phát triển NLDH của SV các trường ĐHSP Nghệ thuật:

2.1.1. Nhận thức về ý nghĩa của rèn luyện phát triển NLDH (xem bảng 1).

Bảng 1 cho thấy, đa số SV, GV và GVPT đã nhận thức đúng đắn về ý nghĩa việc rèn luyện phát triển NLDH cho SV các trường ĐHSP Nghệ thuật. Tỷ lệ GV chọn đáp án: *Để khắc phục tính hàn lâm trong đào tạo* chiếm 59,6%; *Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này*

Bảng 1. Tổng hợp ý kiến về ý nghĩa của rèn luyện phát triển NLDH (%)

TT	Lựa chọn	GV	SV	GVPT
1	Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở người học	42,1	47,4	34,5
2	Để khắc phục tính hàn lâm trong đào tạo	59,6	28,9	25,5
3	Để đạt kết quả cao trong học tập	35,1	55,4	32,7
4	Để làm chủ được kiến thức và kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ	63,2	47,0	29,1
5	Để thực hiện nhiệm vụ đi thực tế, thực tập	24,6	48,4	38,2
6	Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này	52,6	35,9	41,8
7	Để có năng lực học tập và giải quyết vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp	29,8	37,3	45,5
8	Để trở thành một giáo viên giỏi	31,6	54,0	60,0
9	Để hình thành NLDH đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	71,9	69,0	70,9

chiếm 52,6%. Tỷ lệ SV chọn đáp án *Để hình thành NLDH đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp* chiếm tỷ lệ cao nhất (69,0%). Tuy nhiên, lựa chọn của SV không trọng tâm vào một đáp án nhất định. Đối với GVPT, đáp án họ lựa chọn thường gắn liền với thực tiễn hoạt động dạy học ở trường phổ thông, với *Để hình thành NLDH đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp* chiếm 70,9%; *Để trở thành một giáo viên giỏi* chiếm 60,0%; *Để có năng lực học tập và giải quyết vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp* chiếm 45,5%.

Các lựa chọn trên cho thấy, nhận thức về ý nghĩa rèn luyện phát triển NLDH của GV và GVPT rất thực tế, hướng đến thực tiễn giảng dạy ở trường phổ thông; còn nhận thức của SV thì tương đối dàn trải và không sát với thực tế.

2.1.2. Nhận thức về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển NLDH (xem bảng 2 trang bên).

Theo đánh giá của GV, 3 yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất tới hiệu quả tổ chức rèn luyện phát triển NLDH SV là: *Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của SV* (33,3%);

\* Trường Đại học Văn hóa, thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Bảng 2. Tổng hợp ý kiến về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển NLDH

TT	Lựa chọn	Mức độ ảnh hưởng (%)									
		Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Có ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng	
		SV	GV	SV	GV	SV	GV	SV	GV	SV	GV
1	Mục tiêu rèn luyện	26,5	29,8	33,1	33,3	38,0	31,6	24	5,3	0,0	0,0
2	Nội dung rèn luyện	49	19,3	44,9	36,8	42,9	40,4	66	3,5	0,7	0,0
3	Hệ thống kĩ thuật, thao tác hoạt động và các kĩ xảo tương ứng	59	5,3	33,8	35,1	35,2	38,6	240	21,1	1,0	0,0
4	Biện pháp, con đường và phương tiện luyện tập	28,2	24,6	36,2	42,1	32,8	29,8	28	3,5	0,0	0,0
5	Quy trình rèn luyện phát triển NLDH	20,9	7,0	39,0	40,4	30,7	29,8	84	22,8	1,0	0,0
6	Quy trình kiểm tra, đánh giá	42	0,0	58,9	45,6	26,5	43,9	94	10,5	1,0	0,0
7	Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu của SV	33,1	33,3	31,7	49,1	33,8	15,8	14	1,8	0,0	0,0
8	Năng lực sư phạm của giáo viên	24,7	22,8	43,6	40,4	30,3	33,3	14	3,5	0,0	0,0
9	Cơ sở vật chất, môi trường rèn luyện NLDH	38	0,0	34,5	35,1	33,8	52,6	26,5	12,3	14	0,0

Mục tiêu rèn luyện (29,8%); Biện pháp, con đường và phương tiện luyện tập (24,6%). Theo nhận định của SV, hầu như tất cả các yếu tố trên đều ảnh hưởng tới việc tổ chức rèn luyện phát triển NLDH với các mức độ khác nhau. Trong đó, SV lựa chọn mức độ *rất ảnh hưởng* gồm các yếu tố: *Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của SV* (33,1%); *Biện pháp, con đường và phương tiện luyện tập* (28,2%); *Mục tiêu rèn luyện* (26,5%); mức độ *ảnh hưởng* các ý kiến tập trung vào: *Quy trình kiểm tra, đánh giá* (58,9%); *Nội dung rèn luyện* (44,9%); *Năng lực sư phạm của giáo viên* (43,6%).

Như vậy, GV và SV cho rằng việc rèn luyện phát triển NLDH chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Theo GV, yếu tố khách quan ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu quả tổ chức rèn luyện phát triển NLDH là việc xác định *Mục tiêu rèn luyện* (29,8%); yếu tố chủ quan là *Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của SV* (33,3%). Trong khi đó, ý kiến SV cho rằng yếu tố khách quan ảnh hưởng lớn nhất là *Biện pháp, con đường và phương tiện luyện tập* (28,2%), yếu tố chủ quan là *Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của SV* (33,1%). Nhìn chung, ý kiến của GV và SV về vấn đề này tương đối thống nhất.

## 2.2. Thực trạng tổ chức rèn luyện phát triển NLDH môn Âm nhạc và Mĩ thuật cho SV ở các trường ĐHSP Nghệ thuật:

2.2.1. Quy trình tổ chức rèn luyện NLDH. Đánh giá chung về mức độ phù hợp của quy trình rèn luyện phát triển NLDH tại các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật hiện nay, có 12,5% ý kiến cho rằng: quy trình rèn luyện không phù hợp với thực tiễn và 64,2% khẳng định quy trình rèn luyện chỉ tương đối phù hợp. Bởi, chỉ trong thời gian ngắn, với quá nhiều mục tiêu, thực hành NLDH không thể tập trung vào năng lực thực hiện của giáo viên nghệ thuật. Mặt khác, quy

trình rèn luyện NLDH có tính độc lập tương đối, trong khi thực tiễn, các công việc này có thể thực hiện xen ghép với nhau.

### 2.2.2. Đánh giá kết quả rèn luyện NLDH.

Nghiên cứu kết quả thực hành nghiệp vụ sư phạm của SV các trường ĐHSP Nghệ thuật cho thấy: Kết quả rèn luyện của SV chủ yếu là khá, giỏi (khá 50,2%, giỏi 32,1%) (xem bảng 3).

Theo đánh giá của nhiều GV hướng dẫn thực hành nghiệp vụ sư phạm, việc đánh giá kết quả thực hành nghiệp vụ sư phạm nói chung, thực hành NLDH nói riêng hiện nay không phản ánh đúng thực tế chất lượng rèn luyện, thường cao hơn so với thực tế: 16,9% ý kiến cho rằng việc đánh giá là không phù hợp; 60,8% khẳng định việc đánh giá ở mức tương đối phù hợp. Tuy nhiên, một số

Bảng 3. Kết quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật

TT	Kết quả thực hành NVSP	SV trường (%)			Tỉ lệ chung (%)
		Đại học VH, TT & DL Thanh Hóa	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Nghệ thuật Trung ương	
1	Giỏi	40,2	52,6	57,1	50,2
2	Khá	33,7	33,0	29,6	32,1
3	Trung bình	26,1	14,4	13,3	17,8
4	Yếu, kém	0	0	0	0

(chủ yếu là GV - 26,3%) cho rằng việc đánh giá phản ánh đúng chất lượng rèn luyện. Không có ý kiến nào cho rằng việc đánh giá kết quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thấp hơn thực tế (xem bảng 4).

Bảng 4. Tổng hợp ý kiến về đánh giá kết quả rèn luyện NLDH (%)

TT	Mức độ	GV	SV	Tỉ lệ chung
1	Rất phù hợp	0	0	0
2	Phù hợp	26,3	21,6	22,4
3	Tương đối phù hợp	64,9	60,0	60,8
4	Không phù hợp	8,8	18,5	16,9

Theo chúng tôi, nếu việc đánh giá phản ánh đúng chất lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (thỏa mãn mục tiêu thực hành nghiệp vụ sư phạm đặt ra) có nghĩa là mục tiêu thực hành nghiệp vụ sư phạm không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục (kết quả chỉ phản ánh chất lượng bên trong quá trình thực hành nghiệp vụ sư phạm chứ chưa đáp ứng được chất lượng bên ngoài). Chính kết quả khảo sát về NLDH của SV các trường ĐHSP nghệ thuật dưới đây là minh chứng cho những đánh giá đó.

### 2.3. Thực trạng NLDH của SV trong thực hành nghiệp vụ sư phạm

2.3.1. *Thực trạng chung về NLDH của SV* (xem bảng 5): Đánh giá chung về NLDH của SV, các ý kiến cũng rất khác nhau. Hầu hết SV cho rằng NLDH của mình chỉ đạt mức tương đối thành thạo (76,0%); trong khi đó đa số GV đánh giá SV có NLDH thành thạo (56,1%), còn đa số GVPT cho ở mức tương đối thành thạo (61,8%) và có 18,2% GVPT nhận định NLDH của SV ở mức độ chưa thành thạo. Có lẽ tự đánh giá của SV là chính xác, hơn ai hết, họ biết năng lực của mình là như thế nào. Những đánh giá này cũng phù hợp với ý kiến về đánh giá kết quả thực hành nghiệp vụ sư phạm, thực hành rèn luyện phát triển NLDH nói riêng của SV các trường ĐHSP Nghệ thuật. Mặt khác, thông qua khảo sát một số năng lực cơ bản trong NLDH, càng khẳng định những đánh giá trên về NLDH của SV.

Bảng 5. Tổng hợp đánh giá chung về NLDH của SV (%)

TT	Mức độ	GV	SV	GVPT	Tỉ lệ chung
1	Rất thành thạo	3,5	1,4	0	1,5
2	Thành thạo	56,1	17,4	16,4	22,8
3	Tương đối thành thạo	38,6	76,0	61,8	68,7
4	Chưa thành thạo	1,8	5,2	18,2	6,5
5	Không thành thạo	0	0	3,6	0,5

2.3.2. *Thực trạng năng lực thiết kế dạy học* (xem bảng 6): Kết quả khảo sát về năng lực thiết kế dạy học của SV: 3,5% ý kiến cho rằng năng lực này của SV ở mức độ rất thành thạo; 27,6% đánh giá mức thành thạo; 58,9% tương đối thành thạo và 10,1% đánh giá ở mức chưa thành thạo và không thành thạo.

Bảng 6. Tổng hợp đánh giá về năng lực thiết kế dạy học (%)

TT	Mức độ	GV	SV	GVPT	Tỉ lệ chung
1	Rất thành thạo	5,3	3,1	3,6	3,5
2	Thành thạo	35,1	26,8	23,6	27,6
3	Tương đối thành thạo	52,6	61,3	52,7	58,9
4	Chưa thành thạo	5,3	5,6	14,5	6,8
5	Không thành thạo	1,8	3,1	5,5	3,3

Tuy nhiên, khi nghiên cứu kết quả các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và hồ sơ kiến tập, thực tập sư phạm của SV, kết quả cho thấy năng lực thiết kế dạy học của SV thấp hơn nhiều so với kết quả khảo sát, cụ thể: *Xác định mục tiêu dạy học chưa hướng vào người học* (37,0%); *Xác định hoạt động của người dạy vẫn đóng vai trò trung tâm của quá trình dạy học* (88,0%). Đa số GV gặp khó khăn khi lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp nội dung và đối tượng để phát huy tính tích cực của người học. Do hầu hết SV đều thông thạo máy tính, nên ít gặp khó khăn khi xây dựng bài giảng điện tử; tuy nhiên, khi đánh giá nội dung này theo các tiêu chí xác định, thì 88,0% hồ sơ bài giảng không

đạt yêu cầu. Hầu hết phần trình chiếu chỉ là bản sao của nội dung dạy học, chủ yếu giúp người dạy không quên giáo án, thiếu sự gia công sư phạm, nội dung thể hiện không đảm bảo tính sư phạm, tính khoa học.

Như vậy, kết quả khảo sát và những nghiên cứu ở trên cũng góp phần lí giải tại sao kết quả thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm rất cao nhưng NLDH của SV lại chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn dạy học.

2.3.3. *Thực trạng năng lực tiến hành dạy học* (xem bảng 7): Kết quả khảo sát về năng lực tiến hành dạy học của SV cho thấy: 2,5% ý kiến cho rằng năng lực này ở họ đạt mức rất thành thạo; 19,3% ở mức thành thạo; 63,4% mức tương đối thành thạo và đến 14,8% ở mức chưa thành thạo và không thành thạo.

Bảng 7. Tổng hợp đánh giá về năng lực tiến hành dạy học (%)

TT	Mức độ	GV	SV	GVPT	Tỉ lệ chung
1	Rất thành thạo	3,5	2,4	1,8	2,5
2	Thành thạo	29,8	16,7	21,8	19,3
3	Tương đối thành thạo	50,9	67,6	54,5	63,4
4	Chưa thành thạo	10,5	9,1	16,4	10,3
5	Không thành thạo	5,3	4,2	5,5	4,5

Để đánh giá chi tiết năng lực tiến hành dạy học, chúng tôi còn tiến hành nghiên cứu thêm thực tiễn kết quả các giờ thực hành nghiệp vụ sư phạm, giờ dạy của giáo sinh trong đợt kiến tập, thực tập sư phạm. Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- *Năng lực sử dụng phương pháp dạy học*: Với các tiêu chí đánh giá cụ thể thông qua bài giảng, việc vận dụng phương pháp dạy học của SV cho kết quả là: 3,5% rất thành thạo; 14,0% thành thạo, 60,5% tương đối thành thạo và 22,0% ở mức chưa thành thạo và không thành thạo. Đánh giá cụ thể vấn đề này cho thấy: Hầu hết các phương pháp dạy học truyền thống vẫn được sử dụng nhiều nhất; trong đó, nhóm “phương pháp thuyết trình” và “thị phạm mẫu” là nhiều hơn cả; phương pháp đàm thoại, trực quan cũng được sử dụng nhiều sau đó. Các phương pháp dạy học tích cực (dạy học theo góc, theo nhóm, theo hợp đồng, đóng vai...) chiếm tỉ lệ rất thấp. Tuy nhiên, để phát huy tính tích cực của người học nhất là chỉ bằng các phương pháp dạy học truyền thống là điều hết sức khó khăn.

- *Năng lực sử dụng phương tiện dạy học*: Qua dự giờ và đánh giá thực tế, kết quả năng lực sử dụng phương tiện của SV như sau: 4,5% đạt mức rất thành thạo, 15% đạt mức thành thạo, 55% mức tương đối thành thạo, 15% ở mức chưa thành thạo; 10,5 ở mức không thành thạo. Khi trao đổi với GV và GVPT, họ đều cho rằng: đa số SV lúng túng trong sử dụng phương tiện dạy học; đặc biệt là sử dụng đàn phím điện tử (tiết dạy *Âm nhạc*) và sử dụng máy chiếu hoặc thị phạm mẫu (tiết dạy *Mĩ thuật*). Bên cạnh đó, nhiều SV

quá lạm dụng phương tiện dạy học, dẫn đến không phát huy được hiệu quả của phương tiện dạy học.

- *Năng lực trình diễn thao tác mẫu (thị phạm mẫu):* Năng lực này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng với các năng lực khác, nhất là năng lực chuyên môn. Qua dự giờ, quan sát SV thực hiện cho thấy, đa số SV chú trọng đến năng lực chuyên môn nhiều hơn là năng lực sư phạm, chú ý vào việc làm ra sản phẩm hơn là hướng dẫn làm ra sản phẩm đó như thế nào, điều này dẫn đến kết quả: Chính SV hay bị sai hỏng vì áp lực tâm lý hoặc học sinh không hình dung chính xác về biểu tượng công việc. Điều này thể hiện ở việc khi trình diễn, SV thường thiếu định hướng hành động cho học sinh (mục đích, yêu cầu, trình tự của các thao động tác...); lúng túng và thiếu chính xác khi trình diễn thao tác (mặc dù năng lực chuyên môn, tay nghề ở nhiều SV rất tốt); giải thích không rõ ràng những thao tác, động tác khó thực hiện... Trong đó, có 47,0% ý kiến cho rằng năng lực này của SV còn chưa thành thạo, 51,0% cho rằng mức tương đối thành thạo và có 2,0% ở mức thành thạo.

- *Năng lực giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong dạy học:* Đánh giá về năng lực này thông qua phiếu điều tra và quan sát giờ dạy của SV đều có kết quả tương đồng: 13,2% đạt mức rất thành thạo; 25,9% đạt mức thành thạo; 57,0% đạt mức tương đối thành thạo; 3,2% ở mức chưa thành thạo. Theo chúng tôi, những trường hợp đạt mức chưa thành thạo thường thiếu tự tin, mất bình tĩnh, nắm không vững chuyên môn (không thuộc bài), dẫn đến trình bày vấn đề rời rạc, không logic, mạch lạc, thiếu sức lôi cuốn, hấp dẫn. Như vậy, số yếu này cũng không phải do không có "năng khiếu" mà là quá trình rèn luyện chưa đảm bảo. Trao đổi thêm với nhiều SV, GV, GVPT về vấn đề này, chúng tôi cũng nhận được nhiều sự đồng tình về những đánh giá đó.

2.3.4. *Thực trạng năng lực kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học.* Năng lực kiểm tra, đánh giá được thể hiện qua việc kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kỹ năng ở người học trong giờ học. Qua kết quả điều tra cho thấy, có 15,5% ý kiến cho rằng năng lực này của SV còn chưa thành thạo, 58,9% ở mức tương đối thành thạo, 20,0% đạt mức thành thạo và rất thành thạo (xem *bảng 8*). Tuy nhiên, đa phần SV thực hiện công việc này còn lúng túng, gượng ép, việc nhận xét không phù hợp với đánh giá; việc kiểm tra, đánh giá còn tùy tiện, cảm tính, không đạt mục tiêu đề ra, hiệu quả thấp. Trong khi, với môn *Âm nhạc*, *Mĩ thuật* việc kiểm tra, đánh giá có đặc thù riêng, tác động không nhỏ đến kết quả học tập và quá trình phấn đấu của học sinh (xem *bảng 8*).

2.3.5. *Thực trạng năng lực quản lý dạy học.* Trong nhiều năng lực, năng lực quản lý dạy học được đa số các ý kiến đánh giá tương đối thống nhất. Có đến 15,8% ý kiến cho rằng năng lực này của SV đạt mức rất thành thạo, 49,6% mức thành thạo, mức tương đối thành thạo 30,3%, chỉ có

*Bảng 8. Tổng hợp đánh giá về năng lực kiểm tra, đánh giá trong dạy học (%)*

TT	Mức độ	GV	SV	GVPT	Tỉ lệ chung
1	Rất thành thạo	3,5	1,4	3,6	2,0
2	Thành thạo	28,0	13,9	29,1	18,0
3	Tương đối thành thạo	52,6	61,7	50,9	58,9
4	Chưa thành thạo	12,3	16,7	12,7	15,5
5	Không thành thạo	3,5	6,3	3,6	5,5

4,3% ý kiến cho rằng năng lực quản lý dạy học của SV ở mức chưa thành thạo và không có ý kiến nào đánh giá ở mức không thành thạo (xem *bảng 9*).

*Bảng 9. Tổng hợp đánh giá năng lực quản lý dạy học (%)*

TT	Mức độ	GV	SV	GVPT	Tỉ lệ chung
1	Rất thành thạo	29,8	10,8	27,3	15,8
2	Thành thạo	36,8	54,0	40	49,6
3	Tương đối thành thạo	33,3	29,3	32,7	30,3
4	Chưa thành thạo	0	5,9	0	4,3
5	Không thành thạo	0	0	0	0

#### 2.4. Thực trạng những khó khăn gặp phải trong quá trình tổ chức rèn luyện phát triển NLDH:

- *Đối với SV*, những khó khăn về mặt chủ quan thường gặp: *Thiếu mục tiêu để vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn nghề nghiệp (27,9%), Thiếu động lực để tích cực rèn luyện (27,2%), Năng khiếu, khả năng của SV hạn chế (36,9%)*. Về mặt khách quan, khó khăn đó là: *Thiếu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị thuận lợi để rèn luyện (26,5%), Thiếu bầu không khí tâm lý tích cực, say mê khuyến khích SV rèn luyện (28,2%)*.

- *Đối với GV*, đa số GV gặp những khó khăn về mặt chủ quan: *Kiến thức và kỹ năng về tổ chức đào tạo theo định hướng phát triển năng lực còn hạn chế (42,1%), Thiếu động lực để tổ chức SV tích cực rèn luyện (33,3%)*. Về khó khăn khách quan: *Môi trường làm việc hợp tác tích cực, hiệu quả cho SV còn hạn chế (42,1%), Năng khiếu, khả năng của SV hạn chế (31,6%)*. Trong đào tạo sư phạm nghệ thuật, một trong những đặc thù là năng khiếu của người học đóng vai trò quan trọng, tác động không nhỏ tới chất lượng hoạt động đào tạo.

\*\*\*

Khảo sát về thực trạng rèn luyện phát triển NLDH cho SV các trường ĐHSP nghệ thuật cho thấy kết quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nói chung, rèn luyện phát triển NLDH nói riêng đạt được là đáng khích lệ, song đánh giá một cách khách quan, khoa học thì vẫn còn những hạn chế nhất định, như: - Quy trình rèn luyện đã có sự đổi mới nhưng chưa thực sự tối ưu; - Đánh giá kết quả rèn luyện còn thiếu tính khách quan, phiến diện, mang tính thủ tục; thiếu tiêu chuẩn đánh giá từng nội

(Xem tiếp trang 17)

dạy học bài - lớp, dạy học ngoại khóa, dạy học toàn lớp, dạy học theo nhóm, dạy học cá nhân.

- *Quản lí KT, ĐG kết quả dạy học tiếng Anh theo tiếp cận NLTH*: Mục đích chính của KT, ĐG tiếng Anh ĐH là để xác định mức độ ngoại ngữ sau khi kết thúc một quá trình học. Nhờ đó, người học cần biết tiếp tục phải học gì, và người dạy kế nhiệm biết được trình độ người học đang ở đâu để thiết kế chương trình hợp lí, ít nhất là để tạo được sự liên thông cần thiết. KT, ĐG phải đặt mục tiêu giúp người học xác định được trình độ của mình sau mỗi chương trình học. Nói cách khác, họ cần phải được trả lời câu hỏi: *sau khi thi tốt nghiệp ngoại ngữ phổ thông, tôi có thể làm được gì? Và tôi còn phải làm tiếp gì nữa để có thể giao tiếp thành thạo được bằng ngoại ngữ đó? Giao tiếp trong môi trường nào, giao tiếp học đường, hay giao tiếp xã hội? Giao tiếp dưới hình thức nào: Giao tiếp bằng lời? Hay giao tiếp bằng văn bản viết?* Nếu các bài kiểm tra ngoại ngữ PTTN trả lời được câu hỏi trên thì đảm bảo được mục đích của KT, ĐG đạt yêu cầu. Tức là việc KT, ĐG ngoại ngữ của người học không còn dừng lại ở việc kiểm tra năng lực ngôn ngữ, mà phải kiểm tra đánh giá được năng lực giao tiếp của người học.

- *Quản lí cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong dạy học tiếng Anh*: Hiệu quả đạt được trong công tác đổi mới PPDH môn *Tiếng Anh* phụ thuộc một phần vào môi trường, phương tiện dạy học và cơ sở vật chất của nhà trường. Các yếu tố này tuy không trực tiếp làm thay đổi công tác đổi mới PPDH và nhận thức học tập của người học nhưng chúng cũng rất quan trọng vì chúng tạo điều kiện hỗ trợ công tác đổi mới PPDH đạt hiệu quả. Quản lí tốt việc sử dụng thiết bị dạy học sẽ có tác động tích cực đối với việc nâng cao chất lượng đổi mới PPDH. Để thực hiện được nhiệm vụ này CBQL cần đảm bảo cho GV có đủ phương tiện dạy học bằng việc khai thác triệt để các nguồn cung cấp và hằng năm cần có kế hoạch mua sắm, bổ sung các phương tiện dạy học và tăng cường tổ chức khai thác, sử dụng các phương tiện phục vụ công tác đổi mới PPDH.

\*\*\*

Tóm lại, đổi mới HĐDH nói chung và đổi mới HĐDH ngoại ngữ theo tiếp cận NLTH nói riêng chính là đổi mới về việc xây dựng mục tiêu môn học, nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học về KT, ĐG trong đó chú trọng đổi mới phương pháp, cách thức tổ chức giảng dạy là phải lấy người học làm trung tâm, cách dạy mới phải phù hợp với khả năng tiếp thu và nhu cầu của người học, làm cho người học yêu thích môn học nhằm đảm bảo hiệu quả truyền đạt cao nhất cho người học. GV cần điều chỉnh các hoạt động giảng dạy hợp lí tùy thuộc từng hoàn cảnh lớp học, đối tượng học, nội dung học để đạt được mục tiêu đã đề ra. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2004). *Chỉ thị 40/2004/CT-TW, ngày 15/6/2004 về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục.*
- [2] Luật số 08/2012/QH13 của Quốc hội. *Luật Giáo dục đại học.*
- [3] Dự án phát triển giáo dục đại học (2006). “*Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên*”. Tài liệu sản phẩm dự án của nhóm chuyên gia phương pháp dạy học.
- [4] Lê Hương Hoa. *Đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh theo định hướng thực hành giao tiếp.* Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.
- [5] Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành.*

## Thực trạng phát triển năng lực...

(Tiếp theo trang 25)

dụng rèn luyện NLDH cụ thể; - NLDH của SV còn chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong việc soạn giáo án, đề cương bài giảng, năng lực tiến hành dạy học còn hạn chế, thiếu tính sáng tạo, dập khuôn, máy móc trong việc vận dụng phương pháp; lúng túng trong sử dụng, khai thác phương tiện dạy học; tùy tiện trong kiểm tra, đánh giá; thiếu linh hoạt trong xử lí tình huống sư phạm... không phát huy được tính tích cực, chủ động của người học trong quá trình học tập.

Để phát triển NLDH trong thực hành nghiệp vụ sư phạm của SV, đòi hỏi phải đổi mới toàn diện các nội dung trên, đó chính là các nội dung quan trọng có ảnh hưởng quyết định tới NLDH của SV trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cũng như trong quá trình đào tạo. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Kim Dung (2015). *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm.* NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Trần Khánh Đức (2017). *Năng lực học tập và đánh giá năng lực học tập.* NXB Bách khoa Hà Nội.
- [3] Bộ GD-ĐT (2012). *Giáo dục âm nhạc ở trường phổ thông Việt Nam.* Kỉ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] Nguyễn Đức Trí (1996). *Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và việc xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp.* Đề tài cấp Bộ B93-38-24. Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục.
- [5] Nguyễn Trung Kiên (2001). *Phương pháp sư phạm thanh nhạc.* Viện Âm nhạc Hà Nội.